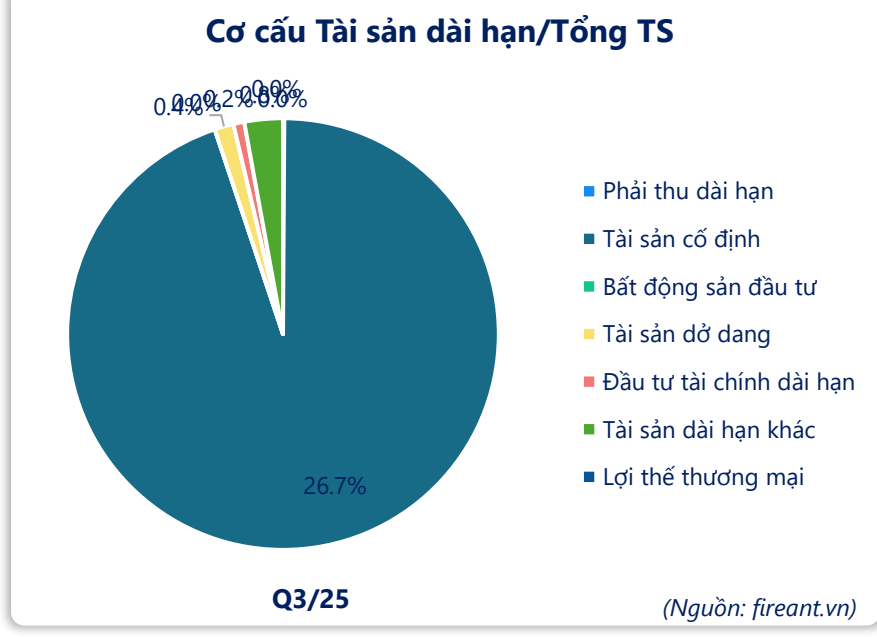
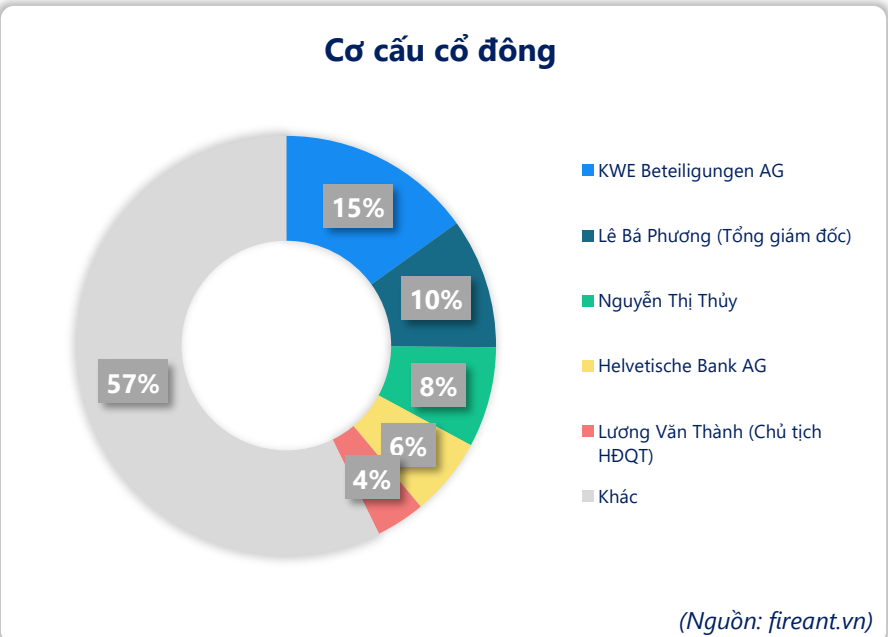
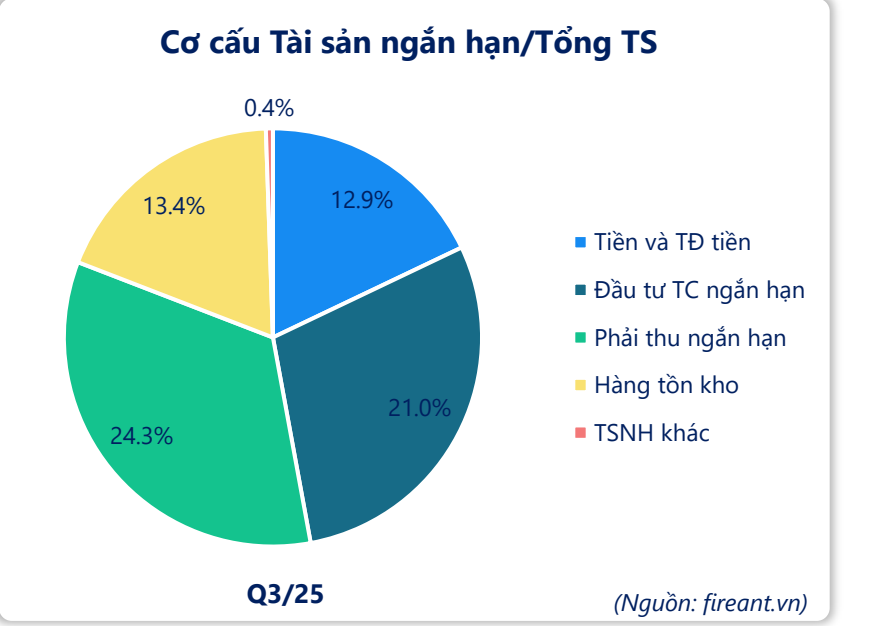
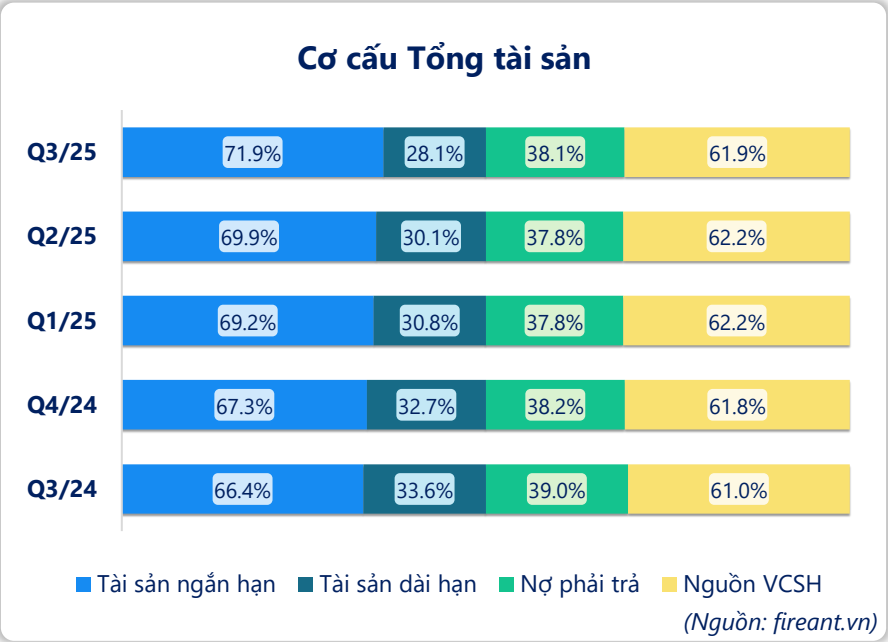
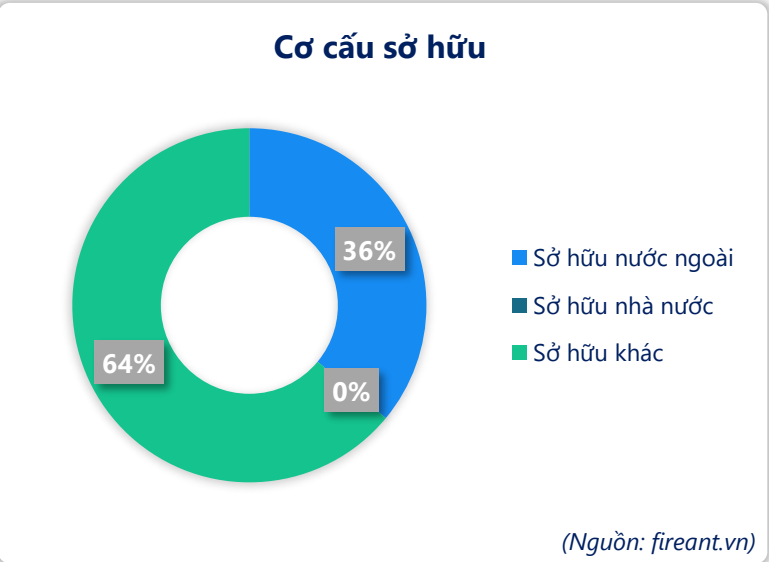
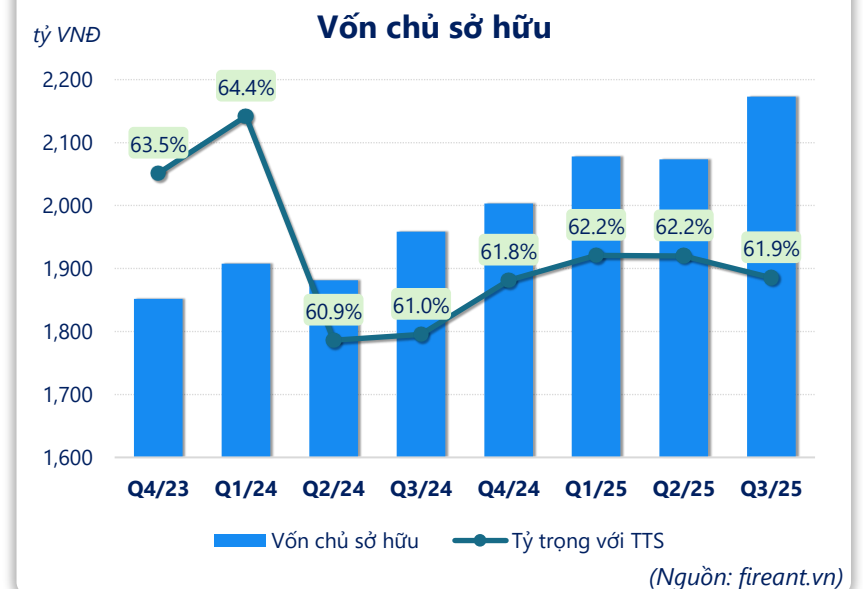
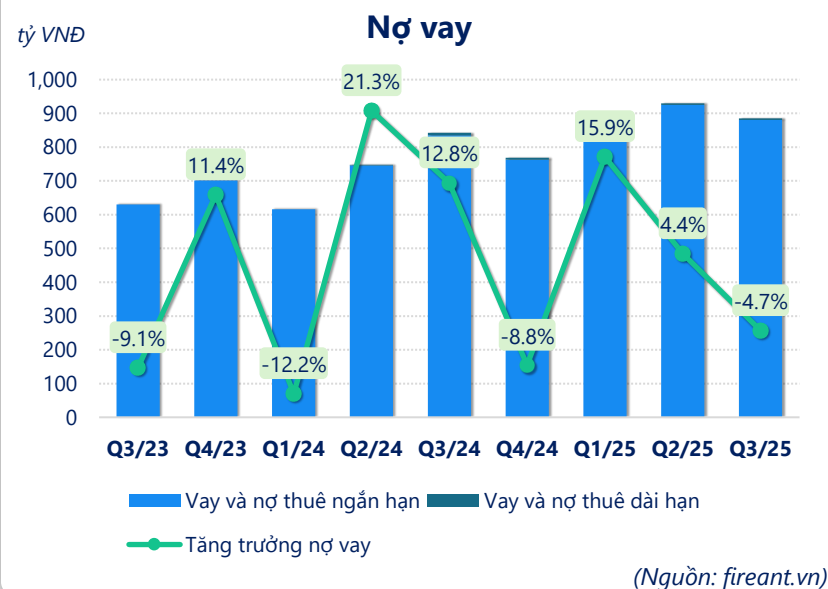
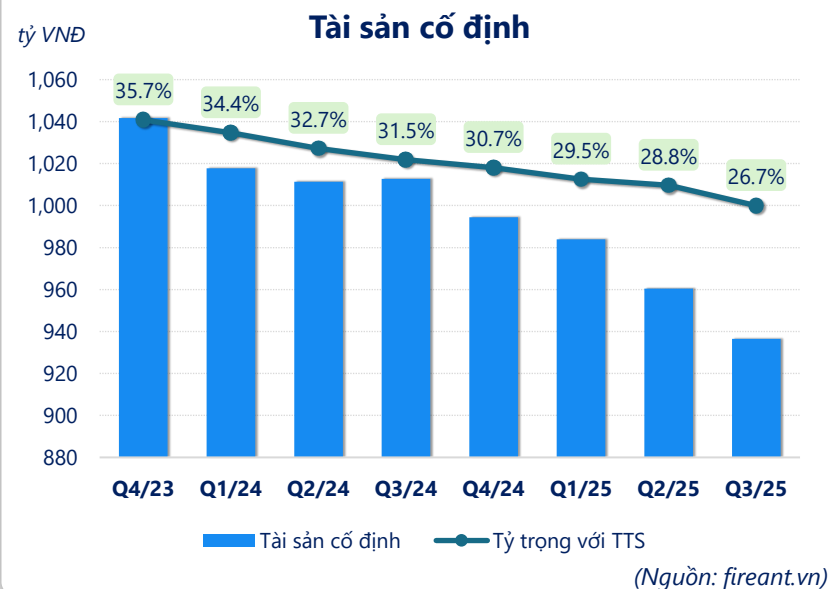
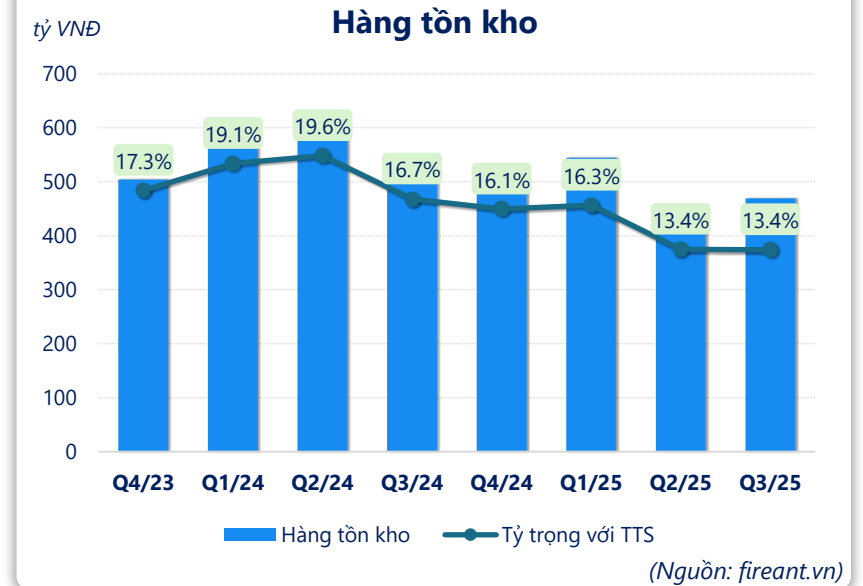
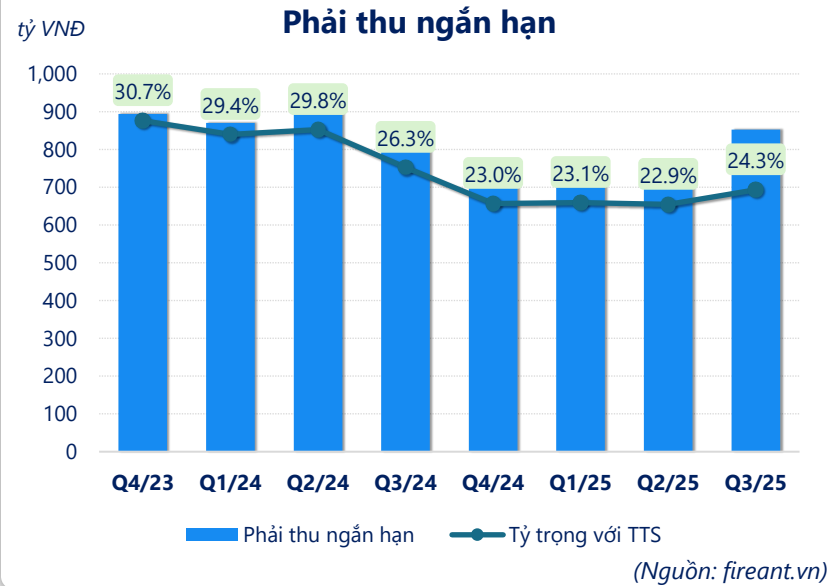
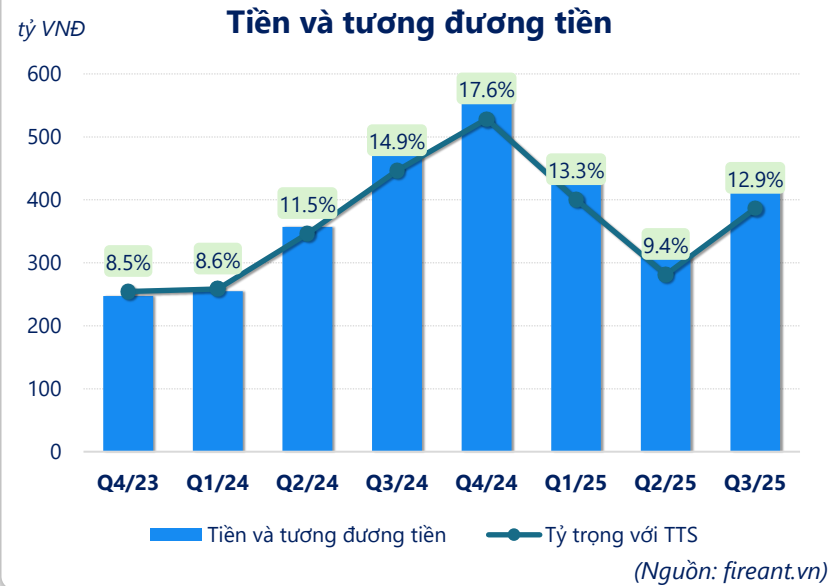
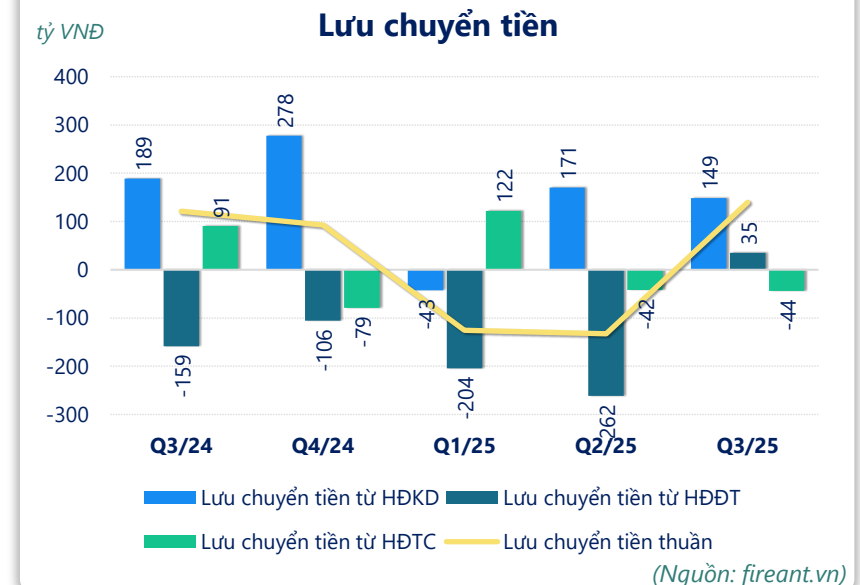
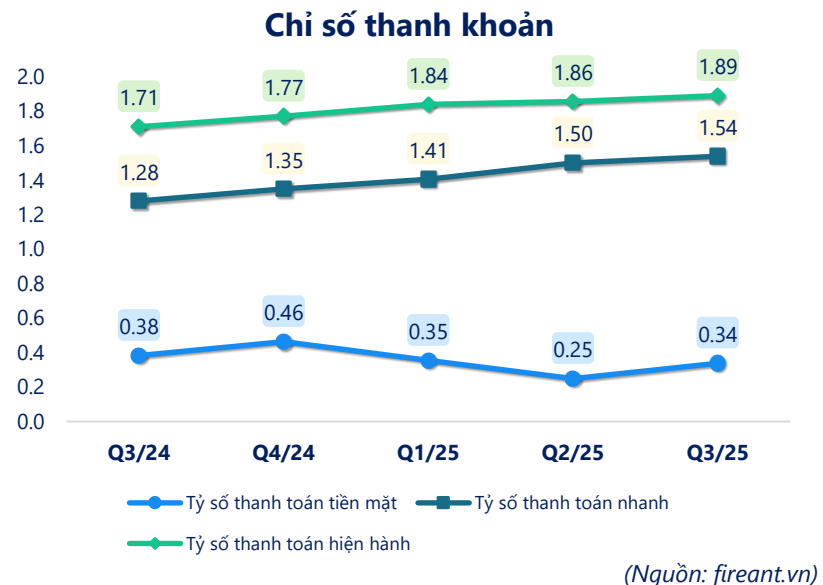
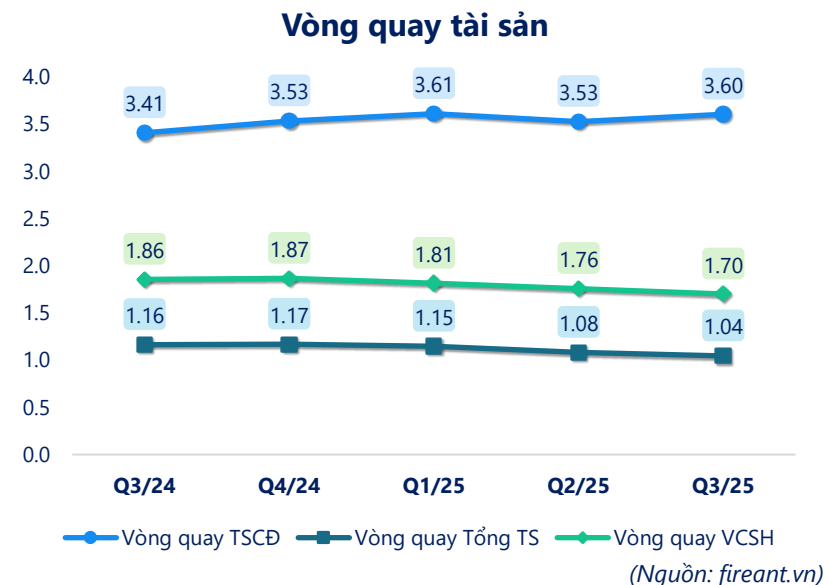
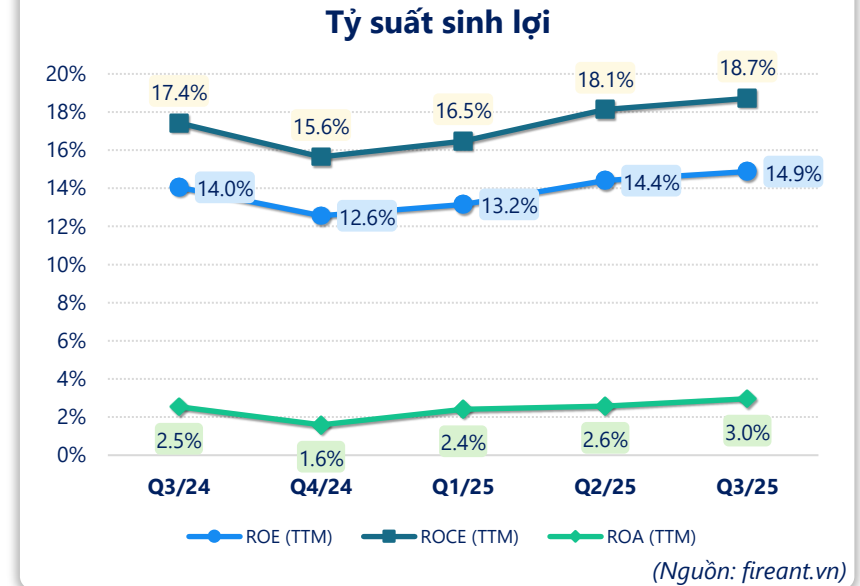
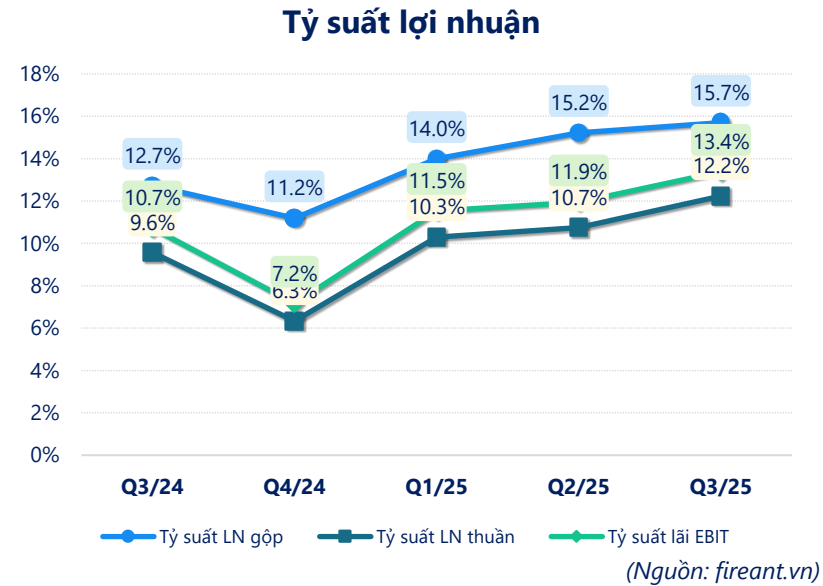
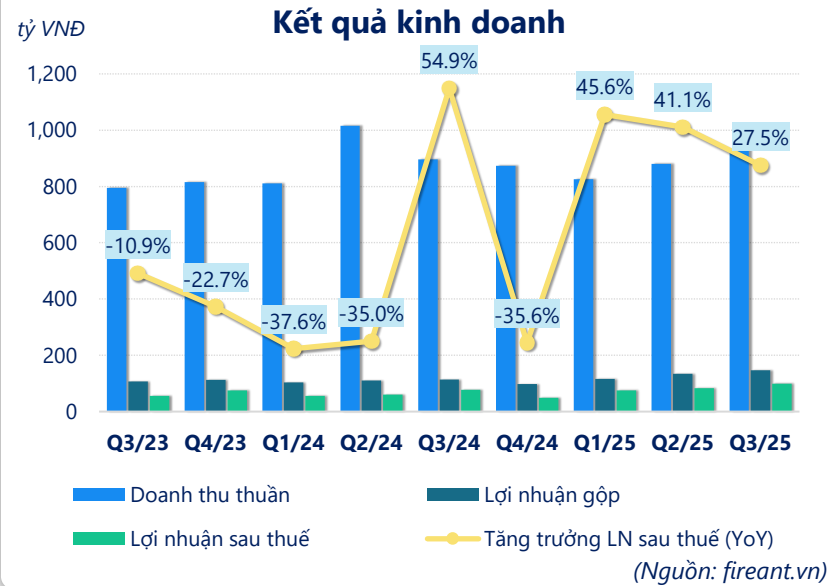


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,157
SL cổ phiếu LH		96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)		546,615
% sở hữu nước ngoài		36.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,371
P/E		11.0
EPS		3,182

	YTD	1T	3T	6T
DHC	17.5%	12.3%	25.6%	36.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,513	3,245	8.3%
Tài sản ngắn hạn	2,525	2,186	15.5%
Tiền và tương đương tiền	453	571	-20.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	737	334	121%
Phải thu ngắn hạn	852	745	14.4%
Hàng tồn kho	469	524	-10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	13.7	11.6	18.3%
Tài sản dài hạn	988	1,058	-6.6%
Phải thu dài hạn	0.96	2.57	-62.6%
Tài sản cố định	937	994	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.1	16.7	-15.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.08	5.53	46.1%
Tài sản dài hạn khác	28.5	39.2	-27.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,340	1,242	7.9%
Nợ ngắn hạn	1,336	1,236	8.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	881	763	15.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	361	408	-11.3%
Nợ dài hạn	4.50	5.50	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.50	5.50	-18.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,173	2,003	8.5%
Vốn chủ sở hữu	2,173	2,003	8.5%
Vốn điều lệ	966	805	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	896	873	826	881	932
Giá vốn hàng bán	782	776	711	747	786
Lợi nhuận gộp	114	97.7	116	134	146
Doanh thu HĐTC	15.8	9.71	15.9	14.0	17.4
Chi phí TC	6.33	13.1	8.70	11.8	9.45
Chi phí lãi vay	6.27	6.40	7.11	8.78	8.91
LN trong công ty LKLD	0.06	0.12	0.32	-0.47	0.62
Chi phí bán hàng	28.4	28.1	28.7	30.9	31.2
Chi phí QLDN	9.44	11.0	9.25	10.2	9.76
LN thuần từ HĐKD	85.8	55.3	85.1	94.6	114
Lợi nhuận khác	3.96	0.83	3.14	1.73	1.83
LN trước thuế	89.8	56.1	88.2	96.4	116
Lợi nhuận sau thuế	77.0	49.0	75.7	83.0	99.6
LNST của CĐ cty mẹ	77.0	49.0	75.7	83.0	99.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	278	-42.8	171	149
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-159	-106	-204	-262	35.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	90.7	-78.9	122	-41.6	-44.0
Tiền đầu kỳ	357	478	571	445	313
Lưu chuyển tiền thuần	121	92.9	-125	-133	140
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	478	571	445	313	453

(Nguồn: fireant.vn)